CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***329 507***	***72 810***	***256 697***			
I		**CẢNG CHÍNH**						**71 988**	**23 947**	**48 041**			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						***27 810***	***23 947***	***3 863***			
1		DTTM DV VINACOMIN	01/05	805/05	15/05	BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030	1 020	11	12/05	TD	MỚN:1.019,5
2		THAN UÔNG BÍ	10/05	859/05	25/05	BN 2665	BÙN 3B	2 430	2 420	10	12/05	TD	MỚN:2.419,9
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG 1	07/05	839/05		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750	19 707	3 043	DỞ		
4		KDT HẢI PHÒNG	09/05	853/05	24/05	BN 2518	BÙN 3B	1 600	800	800	DỞ	TD	THAY TBGT SỐ 788/04 NGÀY 28/04/2025
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						***44 178***		***44 178***			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		KDT BẮC THÁI	16/05	777/04	02/05	BN 1089	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
8		DTM TM DV VINACOMIN	02/05	809/05	16/05	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020		TD	
9		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
10		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
11		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
12		ĐẠM HÀ BẮC	06/05	824/05	21/05	HN 1988	CÁM 4A.1	3 800		3 800			
13		ĐT TMDV VINACMOMIN	06/05	827/05	21/05	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
14		ĐT TMDV VINACMOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	
15		THAN SÔNG HỒNG	06/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
16		VTT VINACOMIN	07/05	838/05	22/05	BN 1336	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020		TD	THAY TBGT SO 808/05 NGÀY 02/05/2025
17		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
18		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
19		CROMIT THANH HOÁ	09/05	849/05	24/05	BN 1718	BÙN 3B	1 480		1 480		TD	THAY TBGT SO 795/04 NGÀY 29/04/2025
20		VTRACO	09/05	852/05	24/05	BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
21		ĐIỆN NGHI SƠN	10/05	857/05		TRƯỜNG SA 126	CÁM 5A.10	5 250		5 250			
22		THAN UÔNG BÍ	11/05	860/05	26/05	NB 8927	BÙN 3B	2 570		2 570		TD	
23		KDT HÀ BẮC	12/05	861/05	27/05	BN 1498	BÙN 3B	1 045		1 045		TD	
24		THAN MIỀN NAM	12/05	862/05	27/05	VIỆT THUẬN HN-01	CÁM 5A.10	3 200		3 200			
							CỤC 4A.2	2 400		2 400			
25		CP TTC	12/05	864/05	27/05	HN 2028	CỤ 4A.1	1 150		1 150			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu chuyển tải							**171 300**	**37 463**	**133 837**			
	Tàu đang làm hàng							***53 700***	***37 463***	***16 237***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/05	835/05		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 700	15 050	12 650	DỞ		KDT CP: 8.000 - CLM:14.000 - KVCP:5.700
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	07/05	840/05		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 5B.14	26 000	22 413	3 587	DỞ		TTHG:15.000 - KDT CP:11.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***117 600***		***117 600***			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI 1	10/05	854/05		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	25 500		25 500			TTHG: 6.500 - KDT CP:19.000
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG 1	10/05	858/05		TRƯỜNG NGUYÊN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300		23 300			KVDB:4.300 - CLM:19.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	12/05	865/05		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000		46 000			TTCO: 10.000 - TTHG:36.000
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG 1	12/05	870/05		QUANG VINH 188	CÁM 5A.14	22 800		22 800			
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**44 651**	**7 627**	**37 024**			
	Tàu đã làm hàng							***8 855***	***7 627***	***1 228***			
1		MIỀN BẮC	11/5	523	25/5	BN - 2556	CÁM 7C	1 691	1 671	20	12/5	PT CB	
2		HẢI PHÒNG	11/5	520	25/5	BN - 2638	CÁM 7C	1 923	1 913	10	12/5	PT CB	
3		CẦU ĐUỐNG	12/5	569	26/5	HD - 1376	CÁM 8A	1 656	1 648	8	12/5	TD	
4		NINH BÌNH	08/5	336	23/5	BN - 1666	CỤC 1B	1 000	986	14	12/5	TD	
5		MIỀN BẮC	11/5	519	25/5	BN - 2728	CÁM 7C	2 585	1 410	1 175	DỞ	PT CB	
	Tàu đã làm lệnh							***35 796***		***35 796***			
1		CP DVVT QNINH	01/5	1482/4	15/5	BN - 2699	CỤC 8C	1 700		1 700		TD	
2		CP VT&KD THAN	29/4	1 493	30/4	BN- 1879	CỤC 8C	1 050		1 050		TD	
3		CP ĐTTM&DV	29/4	1 499	30/4	BN - 1468	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
4		COALIMEX	10/5	1511/4	25/5	HD - 2528	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
5		CROMIT THANH HOÁ	29/4	1 514	30/4	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		SX&TM THAN UÔNG BÍ	29/4	1 516	30/4	BN - 1997	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
7		MIỀN NAM	29/4	1 520	30/4	THÀNH AN 45	CÁM 8A	1 945		1 945		TD	
8		CROMIT THANH HOÁ	29/4	1 531	30/4	NB - 8881	CÁM 8A	1 035		1 035		TD	
9		COALIMEX	29/4	1 532	30/4	BN - 0988	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
10		COALIMEX	29/4	1 535	30/4	BN - 2023	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
11		COALIMEX	30/4	1 542	30/4	BN - 2128	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
12		XD CN MỎ	30/4	1 544	30/4	BN - 2228	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	
13		COALIMEX	30/4	1 675	30/4	BN - 2646	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
14		CP DVVT QNINH	06/5	227	21/5	BN - 1936	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
15		CP ĐTTM&DV	07/5	259	22/5	BN - 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
16		CP VT THUỶ	07/5	260	22/5	BN - 1296	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
17		CP HÀNG HẢI VN	08/5	335	23/5	BN - 2006	CÁM 8A	1 048		1 048		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
18		HẢI PHÒNG	08/5	344	23/5	HD - 7688	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
19		CP VT&KD THAN	08/5	356	23/5	BN - 2005	CÁM 8A	1 150		1 150		TD	
20		CP HÀNG HẢI VN	09/5	382	24/5	BN - 1818	CÁM 8A	1 982		1 982		TD	
21		CP ĐTTM&DV	10/5	414	24/5	BN - 1996	CÁM 8A	2 096		2 096		TD	
22		CP ĐTTM&DV	10/5	430	24/5	BN - 0739	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
23		CP ĐTTM&DV	10/5	437	24/5	CHÂU THANH SHIP 16	CÁM 8A	1 200		1 200		TD	
24		CP ĐTTM&DV	10/5	437	24/5	CHÂU THANH SHIP 16	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
25		MIỀN BẮC	10/5	487	25/5	HD - 3529	CÁM 7C	2 300		2 300		PT CB	
26		CP ĐTTM&DV	10/5	490	22/5	BN - 1839	CỤC 1B	1 020		1 020		TD	
27		CP DVVT QNINH	11/5	525	25/5	BN - 1368	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
28		SÔNG HỒNG	12/5	579	26/5	BN - 1799	CỤC 1B	1 020		1 020		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**4 748**	**1 760**	**2 988**			
	Tàu đã làm hàng							***2 380***	***1 760***	***620***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN		2918		HD 2534	Cám 6a.14	2 380	1 760	620	12/5		
	Tàu đã làm lệnh							***2 368***		***2 368***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI	12/05	575/05		TĐ 88-3	CÁM 5B.14	2 368		2 368			
IV	**KHO CẢNG KM6**							**10 820**	**2 013**	**8 807**			
	Tàu đã làm hàng							***2 020***	***2 013***	***7***			
1		VTT VINACOMIN	09/5	410	24/5	BN 1336	Don 8b	1 020	1 018	2	12/5	TD	
2		KDT MIỀN BẮC	11/5	518	25/5	PT 2949	Cục 1b	1 000	994	6	12/5	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***8 800***		***8 800***			
1		DV VT QUẢNG NINH	12/5	582	26/5	BN 0808	Bùn 4a	1 500		1 500		TD	
2		HÀNG HẢI VN	12/5	584	26/5	BN 2646	Don 8b	1 000		1 000		TD	
3		THAN MIỀN NAM	12/5	539	26/5	TRƯỜNG XUÂN 16	Cục 4a.2	1 400		1 400			
							Cám 5a.1	1 750		1 750			
4		THAN MIỀN NAM	12/5	580	26/5	TRƯỜNG XUÂN 36	Cục 4a.2	1 400		1 400			
							Cám 5a.1	1 750		1 750			
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**21 000**	**-**	**21 000**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***21 000***		***21 000***			
1		NHẬT BẢN	29/04	14/4		MV YUAN CHEN 27	CỤC 5A.1	3 000		3 000			TTCO:3.000
2		NAM PHI	09/04	2 677		MV TAN BINH 259	CỤC 5A.1	18 000		18 000			TTCO:18.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**5 000**	**-**	**5 000**			
	Tàu đã làm hàng												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh							***5 000***		***5 000***			
1		LÀO	22/04	CLM		VIỆT THUẬN 235-02		5 000		5 000			KVCP:5.000